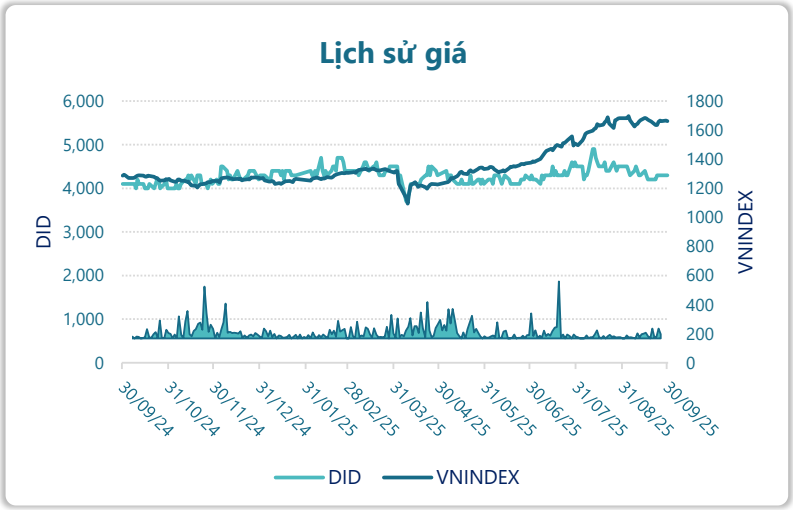
FireAnt

CTCP DIC - Đồng Tiến (UPCOM: DID)



Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**4,300**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	4,900
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	3,700
SL cổ phiếu LH	15,622,552
KLGD BQ 20 phiên (CP)	11,030
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	67
P/E	52.8
EPS	81

DT thuần

Q3/25

108

tỷ VNĐ

QoQ: ▼17.0| -13.4%

YoY: ▲ 48.4| 81.7%

LN sau thuế

Q3/25

0.85

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 1.04| 546%

YoY: ▲ 0.24| 39.0%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

1.7%

+/- YoY: ▼ 1.9%

DT thuần

9T 2025

340

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 191| 128%

LN sau thuế

9T 2025

1.07

tỷ VNĐ

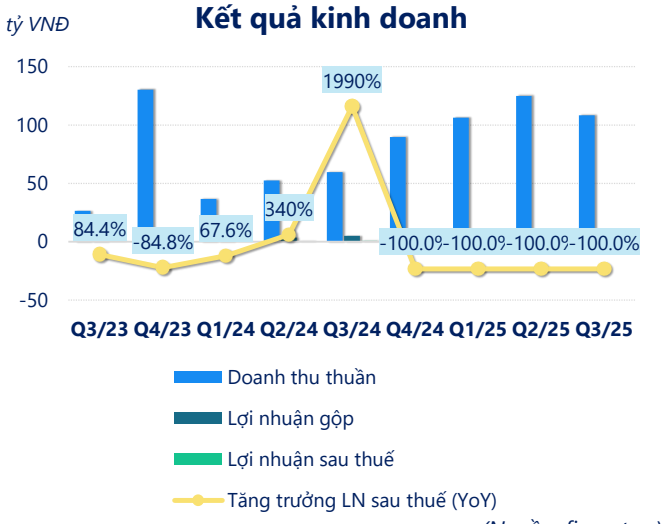
YoY: ▼0.10| -8.5%

ROE

Q3/25

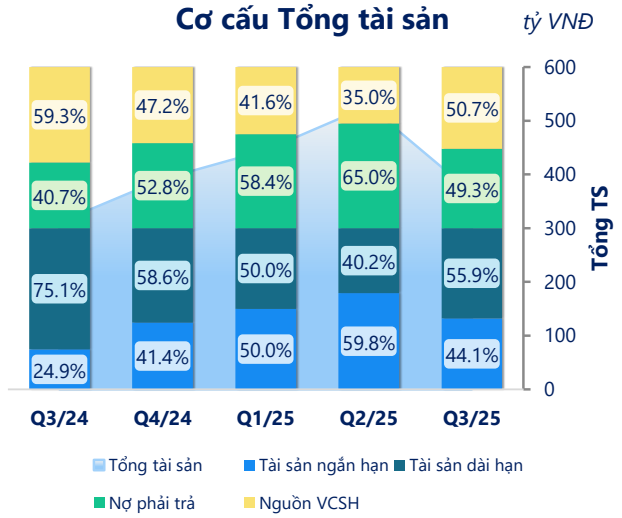
0.7%

Kết quả kinh doanh



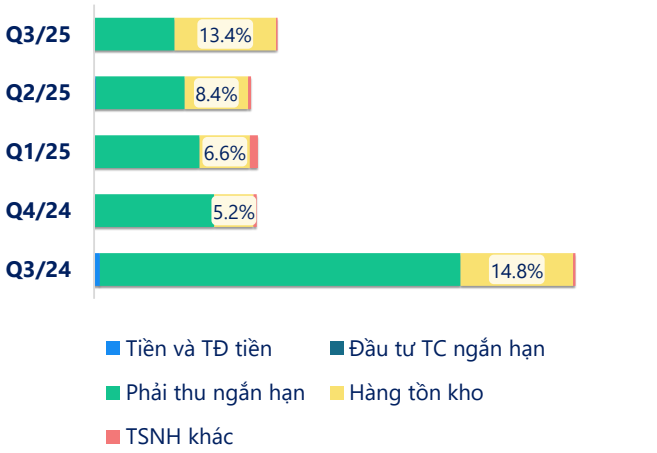
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



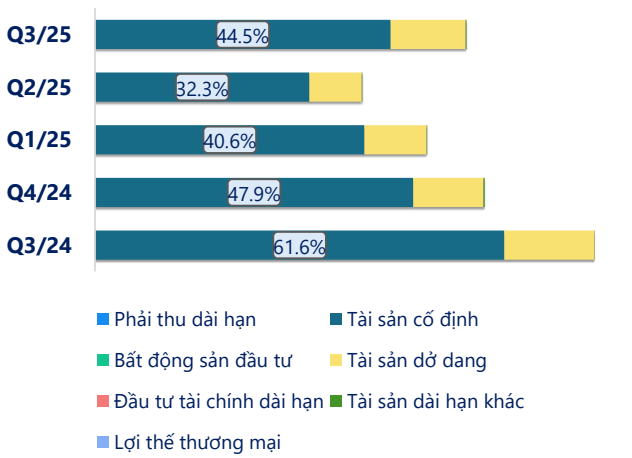
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



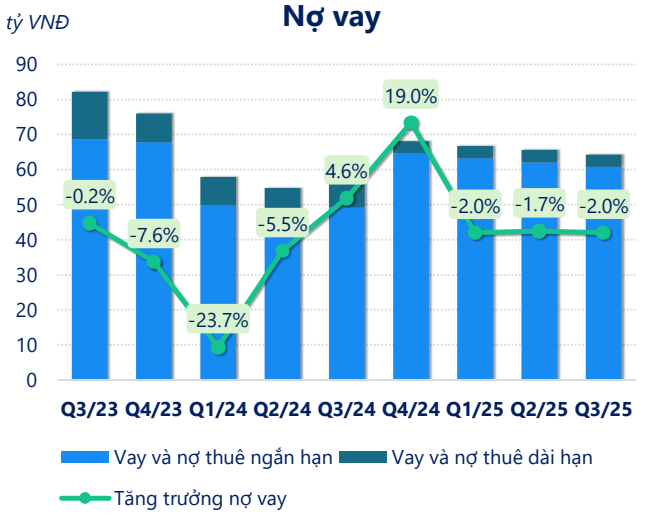
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



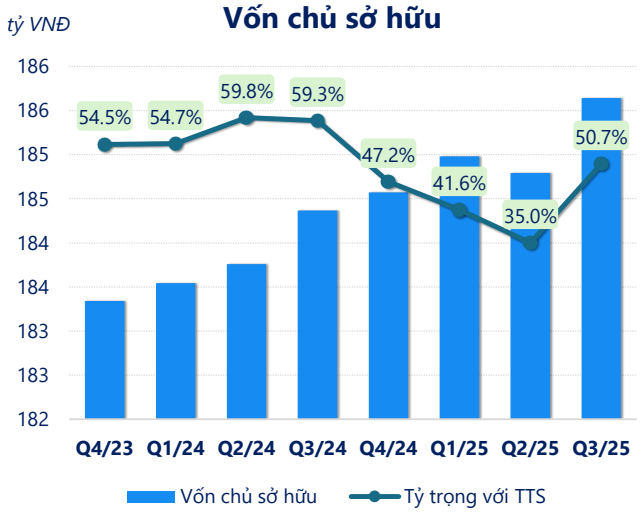
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



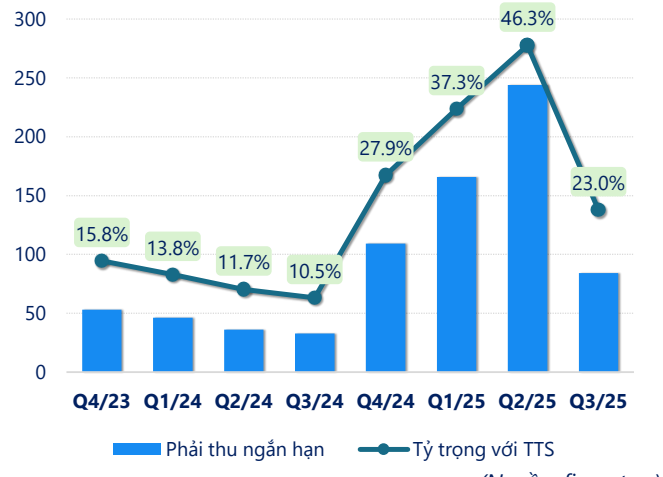
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



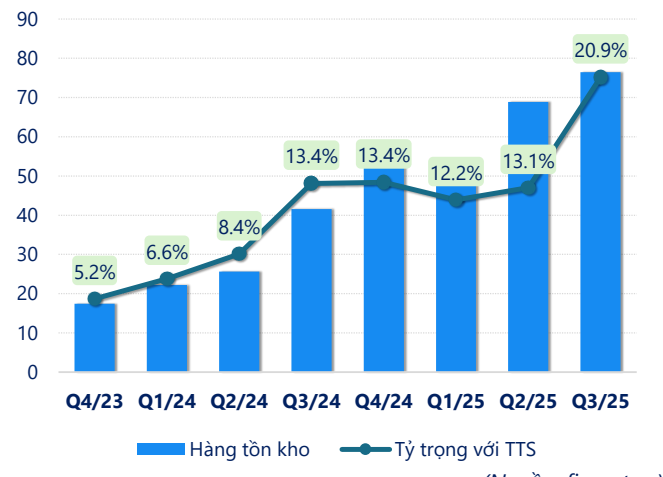
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



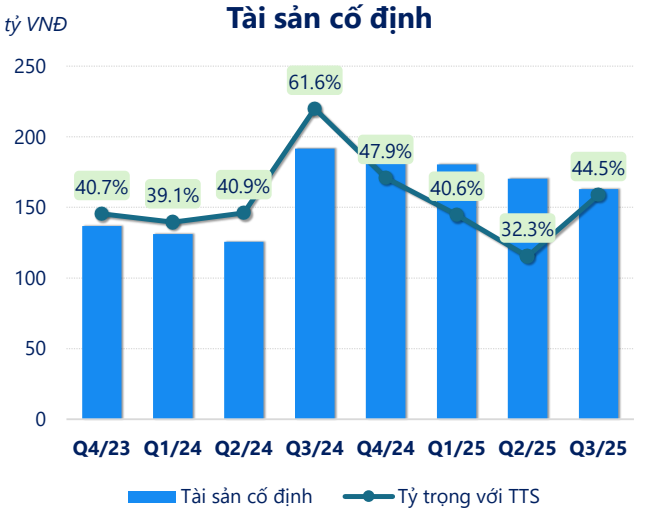
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



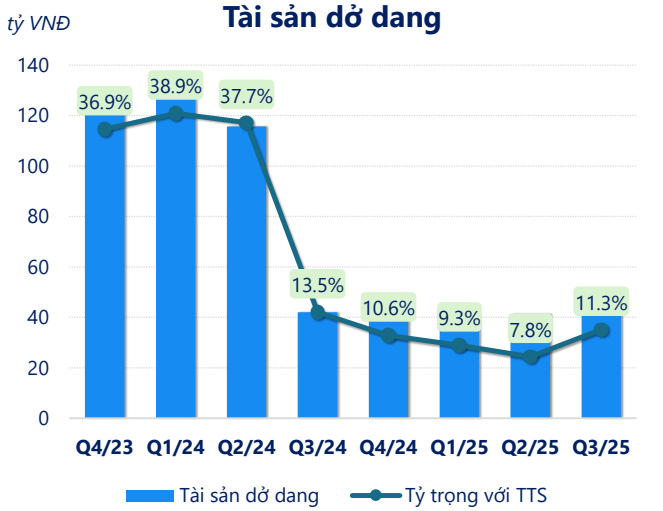
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



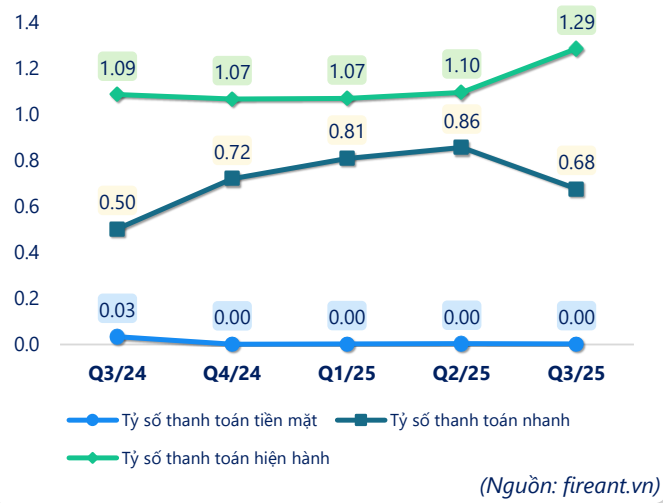
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



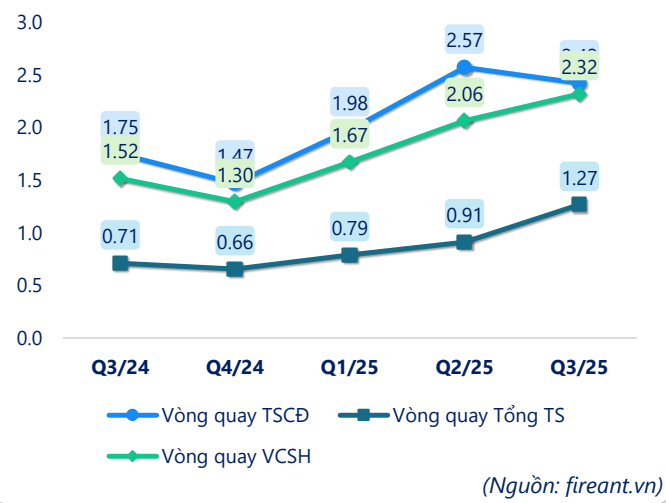
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	**311**	**391**	**445**	**528**	**366**
Tài sản ngắn hạn	**77.3**	**162**	**222**	**315**	**161**
Tiền và tương đương tiền	2.42	0.18	0.47	1.06	0.26
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	32.7	109	166	244	84.1
Hàng tồn kho	41.5	52.6	54.3	68.9	76.5
Tài sản ngắn hạn khác	0.67	0.04	1.85	1.33	0.67
Tài sản dài hạn	**234**	**229**	**223**	**212**	**205**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	192	187	181	170	163
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	42.1	41.4	41.4	41.4	41.4
Đầu tư tài chính dài hạn	0.08	0.08	0.08	0.07	0.07
Tài sản dài hạn khác	0.02	0.63	0.57	0.52	0.47
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**127**	**207**	**260**	**343**	**181**
Nợ ngắn hạn	**71.2**	**152**	**208**	**288**	**126**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	49.1	64.6	63.2	62.1	60.8
Phải trả người bán ngắn hạn	11.1	83.5	142	222	61.6
Nợ dài hạn	55.5	55.1	52.1	55.1	55.1
Vay và nợ thuê dài hạn	8.10	3.50	3.50	3.50	3.50
Nguồn vốn chủ sở hữu	**184**	**185**	**185**	**185**	**186**
Vốn chủ sở hữu	**184**	**185**	**185**	**185**	**186**
Vốn điều lệ	156	156	156	156	156
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)